

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Bảng cân đối kế toán riêng	3 - 4
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	5
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	6 - 7
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	8 - 23

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH&ĐT”) Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và theo GCNĐKDN lần gần nhất lần thứ 30 ngày 27 tháng 4 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) với mã chứng khoán “MWG” theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm kế toán hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch
Ông Trần Huy Thanh Tùng	Thành viên điều hành
Ông Đặng Minh Lượm	Thành viên điều hành
Ông Đoàn Văn Hiếu Em	Thành viên điều hành
Ông Thomas Lanyi	Thành viên không điều hành
Ông Robert Willett	Thành viên không điều hành
Ông Đào Thế Vinh	Thành viên độc lập
Ông Nguyễn Tiến Trung	Thành viên độc lập
Ông Đỗ Tiến Sĩ	Thành viên độc lập

ỦY BAN KIỂM TOÁN

Các thành viên Ủy ban kiểm toán trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Tiến Trung	Chủ tịch
Ông Đào Thế Vinh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Huy Thanh Tùng	Tổng Giám đốc
Ông Vũ Đăng Linh	Giám đốc Tài chính

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật trong năm và vào ngày lập báo cáo này là ông Trần Huy Thanh Tùng.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động ("Công ty") trình bày báo cáo này và Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập Báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong Báo cáo tài chính riêng. Công ty đã lập Báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 ("báo cáo tài chính hợp nhất") đề ngày 30 tháng 01 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trần Huy Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Ngày 30 tháng 01 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

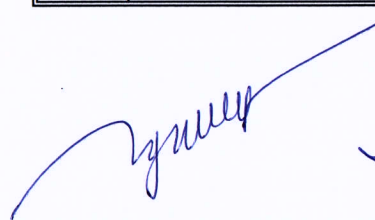
VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.440.488.766.880	1.977.717.799.769
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	286.884.379.540	855.646.065.874
111	1. Tiền		286.884.379.540	55.646.065.874
112	2. Các khoản tương đương tiền		-	800.000.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		1.765.500.000.000	1.111.115.692.433
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	1.765.500.000.000	1.111.115.692.433
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		383.704.870.270	6.912.486.937
135	1. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	300.000.000.000	-
136	2. Phải thu ngắn hạn khác	7	83.704.870.270	6.912.486.937
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		4.399.517.070	4.043.554.525
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		355.649.995	-
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	10	4.043.867.075	4.043.554.525
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		22.013.726.111.979	22.898.026.417.165
210	I. Khoản phải thu dài hạn		1.889.450.000.000	2.616.200.000.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	6	1.889.450.000.000	2.616.200.000.000
250	II. Đầu tư tài chính dài hạn		20.088.607.796.059	20.224.757.111.707
251	1. Đầu tư vào các công ty con	9.1	20.236.757.111.707	20.224.757.111.707
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	9.1	(148.149.315.648)	-
260	III. Tài sản dài hạn khác		35.668.315.920	57.069.305.458
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	8	35.668.315.920	57.069.305.458
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		24.454.214.878.859	24.875.744.216.934

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		6.396.669.850.014	5.962.565.308.681
310	I. Nợ ngắn hạn		411.419.850.014	61.315.308.681
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn		-	240.564.723
315	2. Chi phí phải trả ngắn hạn	11	109.825.232.137	59.462.888.654
319	3. Phải trả ngắn hạn khác	12	1.594.617.877	1.611.855.304
320	4. Vay ngắn hạn	13	300.000.000.000	-
330	II. Nợ dài hạn		5.985.250.000.000	5.901.250.000.000
338	1. Vay dài hạn	13	5.985.250.000.000	5.901.250.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		18.057.545.028.845	18.913.178.908.253
410	I. Vốn chủ sở hữu	14.1	18.057.545.028.845	18.913.178.908.253
411	1. Vốn cổ phần		14.633.767.160.000	14.638.792.800.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		14.633.767.160.000	14.638.792.800.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		522.021.325.200	522.021.325.200
415	3. Cổ phiếu quỹ		(9.783.280.000)	(5.025.640.000)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.911.539.823.645	3.757.390.423.053
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước		3.026.110.399.553	1.466.465.010.162
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		(114.570.575.908)	2.290.925.412.891
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		24.454.214.878.859	24.875.744.216.934



Lý Trần Kim Ngân
Người lập



Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính



Trần Huy Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Ngày 30 tháng 01 năm 2024

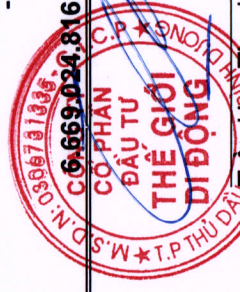
Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B02-DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023		Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022	
			Số quý này Năm nay	Số lũy kế Năm nay	Số quý này Năm trước	Số lũy kế Năm trước
1 Doanh thu hoạt động tài chính	21	15	304.849.833.263	630.455.463.446	190.015.722.388	2.798.779.424.063
2 Chi phí tài chính	22	16	(333.370.132.915)	(719.486.915.351)	(175.163.743.192)	(487.646.169.517)
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		(95.692.744.877)	(465.580.674.706)	(174.154.265.806)	(467.344.121.378)
3 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	17	(12.451.163.837)	(25.539.124.003)	(8.182.954.361)	(20.407.885.471)
4 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(40.971.463.489)	(114.570.575.908)	6.669.024.835	2.290.725.369.075
5 Thu nhập khác	31		-	-	2	204.445.462
6 Chi phí khác	32		-	-	(21)	(4.401.646)
7 Lợi nhuận khác	40		-	-	(19)	200.043.816
8 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(40.971.463.489)	(114.570.575.908)	6.669.024.816	2.290.925.412.891
9 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18.1	-	-	-	-
10 Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(40.971.463.489)	(114.570.575.908)	6.669.024.816	2.290.925.412.891



Lý Trần Kim Ngân
Người lập

Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính

Trần Huy Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Ngày 30 tháng 01 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

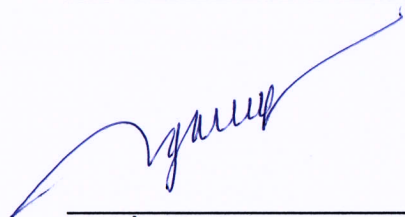
VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế		(114.570.575.908)	2.290.925.412.891
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
03	Các khoản dự phòng		148.149.315.648	-
04	Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		84.000.000.000	6.944.564.819
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(630.455.463.446)	(2.798.779.424.063)
06	Chi phí lãi vay	16	465.580.674.706	467.344.121.378
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(47.296.049.000)	(33.565.324.975)
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(312.540)	697.234.302.405
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(1.164.681.370)	(1.674.322.345)
12	Tăng chi phí trả trước		21.045.339.543	(72.789.531.184)
14	Tiền lãi vay đã trả		(414.311.452.007)	(458.830.792.613)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	10	-	(3.021.244.725)
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(441.727.155.374)	127.353.086.563
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(4.594.314.000.000)	(6.415.260.257.252)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		4.366.679.692.433	6.995.280.000.000
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(12.000.000.000)	(15.094.354.580.000)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	12.825.295.910.000
27	Tiền thu lãi từ tiền gửi, cho vay và cổ tức		553.663.080.112	2.791.916.937.763
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		314.028.772.545	1.102.878.010.511
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		-	191.909.700.000
32	Mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	14.1	(9.783.280.000)	(5.025.640.000)
33	Tiền thu từ đi vay	13.1	300.000.000.000	8.698.450.000.000
34	Tiền trả nợ gốc vay		-	(8.530.154.613.415)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(731.280.023.500)	(731.854.815.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(441.063.303.500)	(376.675.368.415)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		(568.761.686.329)	853.555.728.659
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		855.646.065.874	2.090.337.215
70	Tiền cuối năm	4	286.884.379.545	855.646.065.874



Lý Trần Kim Ngân
Người lập



Vũ Đăng Linh
Giám đốc Tài chính



Trần Huy Thanh Tùng
Tổng Giám đốc

Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
Ngày 30 tháng 01 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp (“GCNĐKDN”) số 0306731335 do Sở Kế hoạch và Đầu tư (“Sở KH&ĐT”) Tỉnh Bình Dương cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009, và theo GCNĐKDN lần gần nhất lần thứ 30 ngày 27 tháng 4 năm 2023.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (“SGDCKHCM”) với mã chứng khoán “MWG” theo Quyết định niêm yết số 253/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 7 tháng 7 năm 2014.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là quản lý các khoản đầu tư vào các công ty con.

Công ty có trụ sở chính tại Số 222, Đường Yersin, Phường Phú Cường, Thành phố Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam và văn phòng hoạt động tại Tòa nhà MWG, Lô T2-1.2, Đường D1, Khu Công nghệ cao, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp như sau:

Tên công ty	Trụ sở	Lĩnh vực kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu và quyền biểu quyết (%)	
			Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty con				
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	99,95	99,95
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quản lý khoản đầu tư	99,99	99,99
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	99,33	99,33
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Công nghệ thông tin	100,00	100,00
Công ty Cổ phần 4K Farm	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	Nông nghiệp	99,99	99,99
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kho vận	99,99	99,99
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt - Sửa chữa - Bảo hành Tận Tâm	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ lắp đặt, bảo trì	99,99	99,99

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 9.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Nhóm Công ty") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đề ngày 30 tháng 01 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 *Tiền và các khoản tương đương tiền*

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng, các khoản tiền gửi kỳ hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.3 *Chi phí đi vay*

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty, và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.4 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty con

Các khoản đầu tư vào các công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc năm tài chính. Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau.

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.7 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.8 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt, và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán riêng.

3.9 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc năm tài chính giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.11 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi ngân hàng	286.884.379.540	55.646.065.874
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng	-	800.000.000.000
TỔNG CỘNG	<u>286.884.379.540</u>	<u>855.646.065.874</u>

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	685.500.000.000	806.759.692.433
Khác	1.080.000.000.000	304.356.000.000
TỔNG CỘNG	<u>1.765.500.000.000</u>	<u>1.111.115.692.433</u>

(*) Đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi bằng VND tại các ngân hàng thương mại và các khoản trái phiếu năm giữ có kỳ hạn 3 tháng đến 1 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

6. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	300.000.000.000	-
<i>Phải thu cho vay ngắn hạn</i>	<i>300.000.000.000</i>	<i>-</i>
Dài hạn	1.889.450.000.000	2.616.200.000.000
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động (ii) (Thuyết minh số 19)	<u>1.889.450.000.000</u>	<u>2.616.200.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.189.450.000.000</u>	<u>2.616.200.000.000</u>

(i) Phải thu cho vay thể hiện khoản cho vay ngắn hạn tín chấp có kỳ hạn 6 tháng với lãi và hưởng lãi suất áp dụng.

(ii) Phải thu cho vay thể hiện khoản cho công ty con vay tín chấp có kỳ hạn 3 năm và hưởng lãi suất áp dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 19)	15.941.250.694	-
Lãi tiền gửi phải thu	45.550.309.582	3.688.284.931
Lãi trái phiếu phải thu	17.187.966.890	3.174.201.369
Lãi cho vay phải thu	4.975.342.467	-
Khác	50.000.637	50.000.637
TỔNG CỘNG	<u>83.704.870.270</u>	<u>6.912.486.937</u>

8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thu xếp khoản vay	<u>35.668.315.920</u>	<u>57.069.305.458</u>

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 9.1)	20.236.757.111.707	20.224.757.111.707
Dự phòng khoản đầu tư dài hạn (Thuyết minh số 9.1)	<u>(148.149.315.648)</u>	<u>-</u>
TOTAL	<u>20.088.607.796.059</u>	<u>20.224.757.111.707</u>

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

9.1 Đầu tư vào các công ty con

Chi tiết khoản đầu tư vào công ty con như sau:

Tên công ty	Địa chỉ	Hoạt động chính	Số cuối năm		Số đầu năm			
			% sở hữu	Giá gốc đầu tư VND	Dự phòng VND	% sở hữu	Giá gốc đầu tư VND	Dự phòng VND
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quản lý khoản đầu tư	99,99	14.049.800.000.000	-	99,99	14.049.800.000.000	-
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	99,95	4.426.023.111.000	-	99,95	4.426.023.111.000	-
Công ty Cổ phần Thế Giới Số Trần Anh	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Thương mại sản phẩm điện tử	99,33	860.937.300.707	-	99,33	860.937.300.707	-
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Công nghệ thông tin	100,00	538.000.000.000	-	100,00	538.000.000.000	-
Công ty Cổ phần 4K Farm (i)	Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu, Việt Nam	Nông nghiệp	99,99	161.998.900.000	(148.149.315.648)	99,99	149.998.900.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt - Sửa chữa - Bảo hành Tận Tâm	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ sửa chữa	99,99	99.998.900.000	-	99,99	99.998.900.000	-
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kho vận	99,99	99.998.900.000	-	99,99	99.998.900.000	-
TỔNG CỘNG				20.236.757.111.707	(148.149.315.648)		20.224.757.111.707	-

(i) Trong năm, Công ty đã góp thêm vốn vào công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

				VND
	<i>Số đầu năm</i>	<i>Tăng trong năm</i>	<i>Giảm trong năm</i>	<i>Số cuối năm</i>
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.043.554.525	-	-	4.043.554.525
Thuế giá trị gia tăng	-	231.603.818	(231.578.818)	25.000
Khác	-	287.550	-	287.550
TỔNG CỘNG	<u>4.043.554.525</u>	<u>231.891.368</u>	<u>(231.578.818)</u>	<u>4.043.867.075</u>

11. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

			VND
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
Chi phí đảm bảo tỷ giá	87.461.604.847	45.624.318.476	
Chi phí lãi vay	22.180.061.794	13.748.125.464	
Khác	183.565.497	90.444.714	
TỔNG CỘNG	<u>109.825.232.137</u>	<u>59.462.888.654</u>	

12. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

			VND
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
Khác	1.594.617.877	1.611.855.304	

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. VAY

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Chênh lệch tỷ giá	Số cuối năm
Ngắn hạn	-	300.000.000.000	-	300.000.000.000
Vay ngắn hạn (Thuyết minh số 13.1)	-	300.000.000.000	-	300.000.000.000
Dài hạn	5.901.250.000.000	-	84.000.000.000	5.985.250.000.000
Vay dài hạn từ ngân hàng (Thuyết minh số 13.1)	5.901.250.000.000	-	84.000.000.000	5.985.250.000.000
TỔNG CỘNG	5.901.250.000.000	300.000.000.000	84.000.000.000	6.285.250.000.000

13.1 Vay ngân hàng

Công ty thực hiện các khoản vay tín chấp với lãi suất thả nổi nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động, chi tiết như sau:

Khoản vay	Số cuối năm		Ngày đáo hạn
	VND	Gốc USD	
Khoản vay tín chấp ngân hàng dài hạn	5.985.250.000.000	250.000.000	Ngày 16 tháng 9 năm 2025
Khoản vay tín chấp ngân hàng ngắn hạn	300.000.000.000	-	Ngày 21 tháng 3 năm 2024
TỔNG CỘNG	6.285.250.000.000		

Công ty Cổ phần Đầu tư Thế Giới Di Động

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU

14.1 Tình hình tăng (giảm) nguồn vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					VND
Số đầu năm	7.130.654.950.000	522.021.325.200	(2.320.000.000)	9.516.867.975.162	17.167.224.250.362
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	2.290.925.412.891	2.290.925.412.891
Phát hành cổ phiếu ESOP	191.909.700.000	-	-	-	191.909.700.000
Hủy cổ phiếu quỹ	(2.320.000.000)	-	2.320.000.000	-	-
Mua lại cổ phiếu	-	-	(5.025.640.000)	-	(5.025.640.000)
Chia cổ tức cổ phiếu	7.318.548.150.000	-	-	(7.318.548.150.000)	-
Chia cổ tức tiền	-	-	-	(731.854.815.000)	(731.854.815.000)
Số cuối năm	14.638.792.800.000	522.021.325.200	(5.025.640.000)	3.757.390.423.053	18.913.178.908.253
Năm nay					
Số đầu năm	14.638.792.800.000	522.021.325.200	(5.025.640.000)	3.757.390.423.053	18.913.178.908.253
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(114.570.575.908)	(114.570.575.908)
Hủy cổ phiếu quỹ (i)	(5.025.640.000)	-	5.025.640.000	-	-
Mua lại cổ phiếu quỹ	-	-	(9.783.280.000)	-	(9.783.280.000)
Chia cổ tức tiền (ii)	-	-	-	(731.280.023.500)	(731.280.023.500)
Số cuối năm	14.633.767.160.000	522.021.325.200	(9.783.280.000)	2.911.539.823.645	18.057.545.028.845

(i) Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua việc giảm vốn cổ phần bằng cách hủy 502.564 cổ phiếu cổ phiếu quỹ mà Công ty mua lại từ người lao động đã nghỉ việc với mức mệnh giá là 10.000 VND/cổ phiếu theo Nghị quyết số 01_2023/NQĐHĐCĐ/MWG ngày 8 tháng 4 năm 2023. Vào ngày 27 tháng 4 năm 2023, Công ty đã nhận Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp thay đổi lần thứ 30 được cấp bởi Sở KH&ĐT Tỉnh Bình Dương về việc giảm vốn điều lệ của Công ty từ 14.638.792.800.000 VND xuống 14.633.767.160.000 VND vào ngày này.

(ii) Theo Nghị quyết số 01_2023/NQĐHĐCĐ/MWG ngày 8 tháng 4 năm 2023 và theo Nghị quyết số 05/NQ/HĐQT-2023 ngày 30 tháng 6 năm 2023, Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị Công ty đã thông qua kế hoạch chi trả cổ tức năm 2022 bằng tiền cho cổ đông hiện hữu của Công ty với tỷ lệ 5% trên mệnh giá mỗi cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

14.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	14.638.792.800.000	7.130.654.950.000
Phát hành cổ tức cổ phiếu	-	7.318.548.150.000
Phát hành cổ phiếu theo chương trình ESOP	-	191.909.700.000
Hủy cổ phiếu quỹ	(5.025.640.000)	(2.320.000.000)
Số cuối năm	<u>14.633.767.160.000</u>	<u>14.638.792.800.000</u>

14.3 Cổ phiếu

	Số cổ phiếu	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	1.463.376.716	1.463.879.280
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.463.376.716	1.463.879.280
Số lượng cổ phiếu quỹ		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	(978.328)	(502.564)
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.462.398.388	1.463.376.716

Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông với mệnh giá 10.000 VND thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền cho vay	245.015.430.022	268.285.934.432
Thu nhập từ cổ tức	199.899.193.902	2.398.670.325.559
Lãi tiền gửi	145.018.955.165	18.968.933.586
Lãi thu từ trái phiếu	37.975.095.891	12.537.489.040
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.546.788.466	100.316.741.446
TỔNG CỘNG	<u>630.455.463.446</u>	<u>2.798.779.424.063</u>

16. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	465.580.674.706	467.344.121.378
Dự phòng đầu tư dài hạn	148.149.315.648	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	84.000.285.447	13.210.932.001
Chi phí thu xếp khoản vay	21.756.639.550	7.091.116.138
TỔNG CỘNG	<u>719.486.915.351</u>	<u>487.646.169.517</u>

17. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.796.454.065	16.022.463.503
Chi phí tư vấn	2.674.010.660	3.213.452.566
Khác	1.068.659.278	1.171.969.402
TỔNG CỘNG	<u>25.539.124.003</u>	<u>20.407.885.471</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

18.1 Chi phí thuế TNDN

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng (lỗ) lợi nhuận kế toán trước thuế	(114.570.575.908)	2.290.925.412.891
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	(22.914.115.182)	458.185.082.578
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Thu nhập từ cổ tức	(39.979.838.780)	(479.734.065.112)
Lỗ thuế chưa ghi nhận thuế TN hoãn lại	62.893.953.961	21.548.982.534
Chi phí thuế TNDN	-	-

18.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh riêng vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Công ty con
Công ty Cổ phần Thế giới Số Trần Anh	Công ty con
Công ty TNHH MTV Công nghệ Thông tin Thế Giới Di Động	Công ty con
Công ty Cổ phần 4K Farm	Công ty con
Công ty Cổ phần Logistics Toàn Tín	Công ty con
Công ty Cổ phần Dịch vụ Lắp đặt - Sửa chữa - Bảo hành Tận Tâm	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Bán lẻ An Khang	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH VuiVui	Công ty con gián tiếp
MWG (Cambodia) Co., Ltd	Công ty con gián tiếp
PT Era Blue Elektronik	Công ty liên doanh
Ông Robert Willett	Thành viên Hội đồng Quản trị

Các giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
				<i>VND</i>
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Cho vay Lãi cho vay Cổ tức Góp vốn	999.600.000.000 237.895.991.666 199.899.193.902 -	4.027.200.000.000 262.157.824.842 2.398.670.325.559 799.556.780.000
Công ty Cổ phần 4K Farm	Công ty con	Góp vốn	12.000.000.000	50.000.000.000
Ông Robert Willett	Thành viên Hội đồng Quản trị	Chi phí tư vấn	2.250.010.657	2.234.342.566
Công ty Cổ phần Công nghệ và Đầu tư Bách Hóa Xanh	Công ty con	Góp vốn Chuyển nhượng cổ phần		- 14.049.800.000.000 - 12.825.295.910.000
Công ty Cổ phần Thương mại Bách Hóa Xanh	Công ty con gián tiếp	Thu hồi tạm ứng	-	696.000.000.000
Công ty Cổ phần Dịch Vụ Lắp đặt - Sửa chữa - Bảo hành Tận Tâm	Công ty con	Góp vốn	-	99.998.900.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

Công ty Cổ phần	Công ty con	Góp vốn	-	94.998.900.000
Logistics Toàn				
Tín				

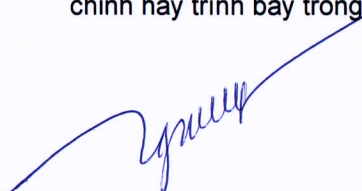
19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

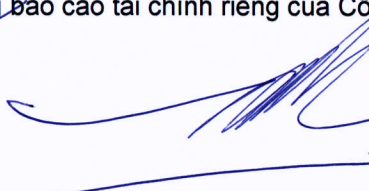
Vào ngày kết thúc năm tài chính, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:


				VND	
<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	
Phải thu cho vay dài hạn					
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Cho vay	<u>1.889.450.000.000</u>	<u>2.616.200.000.000</u>	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác					
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Lãi phải thu	<u>15.941.250.694</u>	<u>-</u>	
Các khoản phải trả ngắn hạn khác					
Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động	Công ty con	Thu hộ	<u>-</u>	<u>10.666.667</u>	

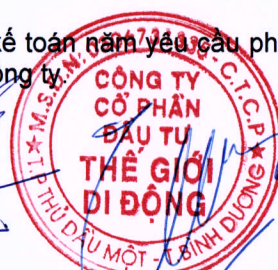
20. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.


 Lý Trần Kim Ngân
 Người lập


 Vũ Đăng Linh
 Giám đốc Tài chính


 Trần Huy Thanh Tùng
 Tổng Giám đốc



Tỉnh Bình Dương, Việt Nam
 Ngày 30 tháng 01 năm 2024

